BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-HV

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ hệ dân sự đợt 2 năm 2026 của Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 458/QĐ-TM ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam về việc giao chỉ tiêu đào tạo hệ dân sự năm học 2026 - 2027 cho các cơ sở giáo dục trong Quân đội;

Căn cứ Hướng dẫn số 869/HD-TSQS ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong Quân đội năm 2026;

Căn cứ Quy định số 2433/QyĐ-HV ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Học viện về tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ;

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ hệ dân sự đợt 2 năm 2026 như sau:

I. NGÀNH TUYỂN SINH VÀ CHỈ TIÊU

1. Ngành tuyển sinh

TT	Ngành	Mã số	Ghi chú
1	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	9229002	
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	
3	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	9310202	
4	Kinh tế chính trị	9310102	
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	9229008	

TT	Ngành	Mã số	Ghi chú
6	Tâm lý học	9310401	
7	Lý luận và Lịch sử giáo dục	9140102	
8	Quản lý giáo dục	9140114	
9	Hồ Chí Minh học	9310204	

2. Chỉ tiêu: 22 Nghiên cứu sinh

II. HÌNH THỨC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Hình thức đào tạo: Chính quy.

2. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo: Tiếng Việt.

3. Thời gian đào tạo:

03 năm (36 tháng, đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ) tính từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

III. HÌNH THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

2. Đối tượng tuyển sinh: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác hoặc địa phương cử đi học.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện về tuổi đời, sức khoẻ, lý lịch và hồ sơ

- Có đủ sức khoẻ đảm bảo yêu cầu học tập, rèn luyện theo quy định hiện hành;

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương xác nhận;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định theo thông báo tuyển sinh hằng năm của Học viện Chính trị.

4. Điều kiện về văn bằng

Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự xét tuyển. (*Phụ lục I*)

** Thí sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp hoặc ngành đúng với ngành đăng ký dự xét tuyển nhưng quá 5 năm phải học bổ sung kiến thức ngành lạc hậu và ngành phù hợp trước khi dự xét tuyển.*

5. Kinh nghiệm công tác chuyên môn

Người dự xét tuyển đã có bằng thạc sĩ, phải có thời gian công tác từ 01 năm (12 tháng) trở lên tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

6. Điều kiện về nghiên cứu khoa học

Là tác giả 01 bài báo khoa học (đối với người có bằng thạc sĩ) hoặc báo cáo khoa học đã công bố liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học ngành (được Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận tính điểm) trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

7. Điều kiện về ngoại ngữ: Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày xét tuyển *(Phụ lục II).*

8. Đề cương đề tài luận án nghiên cứu *(Phụ lục III)*

9. Bài luận về dự định đề tài nghiên cứu *(Phụ lục IV)*

10. Thư giới thiệu của nhà khoa học *(Phụ lục V)*

IV. MÔN THI, XÉT TUYỂN VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Môn thi, xét tuyển

- Thí sinh dự xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ chuẩn bị đầy đủ các điều kiện xét tuyển nộp về Ban Sơ tuyển sau đại học của Học viện Chính trị đúng thời gian quy định. Thực hiện các nội dung theo quy trình xét tuyển, lịch xét tuyển. Nội dung xét tuyển gồm có:

+ Đề cương luận án;

+ Bài luận;

+ Các bài báo khoa học theo quy định;

+ Hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học;

+ Ngoại ngữ theo quy định.

- Tiêu chí xét tuyển *(Phụ lục VI).*

2. Đối tượng và mức ưu tiên

a) Đối tượng

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm (24 tháng) trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy định Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm (24 tháng) trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học;

b) Mức ưu tiên: Người dự thi thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một đối tượng ưu tiên cao nhất. Mức ưu tiên được cộng 01 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi cho môn thi cơ bản.

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Đơn xin dự tuyển *(có mẫu trong hồ sơ phát hành của Học viện).*

2. Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú *(Phụ lục VII).*

3. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học.

4. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm thạc sĩ.

5. Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.

6. Minh chứng kết quả nghiên cứu khoa học (Bản kê khai các bài báo khoa học đã công bố và bản phô tô các bài báo đó, bao gồm: Trang bìa, trang mục lục và toàn văn bài báo) và thời gian công tác được nêu ở Khoản 3, Khoản 4, Điểm B, Mục III; minh chứng kết quả nghiên cứu khoa học phải được kê khai trong lý lịch khoa học, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

7. Đề cương đề tài luận văn nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

8. Bài luận dự xét tuyển nghiên cứu sinh.

9. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư hoặc Tiến sĩ khoa học, tiến sĩ am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

10. Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe học tập của bệnh viện cấp huyện, quận trở lên trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

11. Ảnh cỡ 3 x 4 cm (04 ảnh) chụp không quá 6 tháng; ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh sau ảnh.

12. Các giấy tờ ưu tiên (nếu có).

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH, TIẾP NHẬN HỒ SƠ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC NGÀNH, LỆ PHÍ VÀ THÔNG BÁO VẤN ĐỀ ÔN THI

1. Thời gian địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ

- Thời gian phát hành hồ sơ: Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/7/2026.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ ngày 15/07/2026 đến hết ngày ngày 05/8/2026.

- Địa điểm: Phòng 118, Nhà S3 (Phòng Sau đại học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng) Số 124 Đường Ngô Quyền, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Lệ phí tuyển sinh *(Phụ lục VIII)*

2. Thời gian học bổ sung kiến thức

Dự kiến từ ngày 05/8/2026 đến 30/8/2026 (có kế hoạch giảng dạy cụ thể cho từng ngành).

VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Thời gian xét tuyển

- Xét tuyển đào tạo tiến sĩ: Ngày 07- 08/9/2026.

- Trước ngày thi tuyển, xét tuyển 15 ngày, Học viện Chính trị phát hành giấy báo thi, thẻ dự thi tuyển, xét tuyển cho thí sinh.

2. Địa điểm thi tuyển, xét tuyển

Tại Giảng đường H2 Học viện Chính trị (Số 124, Đường Ngô Quyền, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội).

VIII. DỰ KIẾN THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ TUYỂN SINH, THỜI GIAN NHẬP HỌC VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Sau khi có khi có quyết định phê duyệt điểm chuẩn của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ quốc phòng.

2. Thời gian nhập học: Dự kiến thứ Bảy ngày 19/9/2026

3. Tổ chức dạy học: Thứ Bảy, Chủ Nhật hằng tuần.

IX. THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC

- Địa chỉ liên hệ: Phòng Sau đại học, Học viện Chính trị, Số 124 Đường Ngô Quyền, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Website: hocvienchinhtribqp.edu.vn

- Điện thoại: 069.568.634; 0972.357.919 (Thượng tá Nguyễn Thị Thu - Trợ lý Kế hoạch, Phòng Sau đại học); 0919825726 (Trung tá Trần Thùy Linh Trợ lý Kế hoạch, Phòng Sau đại học./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT;
- Cục QH-NT/BTTM;
- Ban Giám đốc;
- P1, P2, P3, P4, P5, P6, P7, P8, P9, P11 (P6 đăng lên Website);
- Các khoa: K1, K2, K3, K5, K7, K11, K12, K13;
- Lưu: VT, P3. Th25.

GIÁM ĐỐC

Trung tướng Đặng Sỹ Lộc

Phụ lục I

NGÀNH ĐÚNG VÀ NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH Ở HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

TT	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp
1	**Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử** Ngành đúng: Triết học; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	Chính trị học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Hồ Chí Minh học; Kinh tế chính trị; Công tác xã hội; Dân tộc học; Đạo đức học; Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân (chuyên ban Triết học); Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lôgíc học; Mỹ học; Tôn giáo học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Triết học, Giáo dục chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh); Phát triển con người; Quan hệ quốc tế; Tâm lý học.
2	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** Ngành đúng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bảo tàng học; Bảo tàng học và Di sản; Các ngành lịch sử; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Dân tộc học; Đông phương học; Giáo dục chính trị; Khảo cổ học; Lịch sử nghệ thuật quân sự; Lịch sử Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử sử học và sử liệu học; Lịch sử thế giới; Lịch sử Việt Nam; Lưu trữ học; Ngôn ngữ học; Quan hệ quốc tế; Quốc tế học; Tôn giáo học; Triết học; Văn hóa học; Hồ Chí Minh học, Xã hội học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.
3	**Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước** Ngành đúng: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Chính trị học; Hồ Chí Minh học; Triết học; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Kinh tế chính trị; Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Giáo dục chính trị; Báo chí học; Chính sách công Công tác xã hội; Dân tộc học; Giáo dục chính trị; Hành chính học; Khoa học quản lý; Lịch sử Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử sử học và sử liệu học; Lịch sử thế giới; Lịch sử Việt Nam; Quản lý công; Quản lý nhà nước.
4	**Kinh tế chính trị** Ngành đúng: Kinh tế chính trị	Các ngành Kinh tế, Kinh doanh và quản lý; Chính sách công; Chính sách công và Phát triển; Bảo hiểm; Chính trị học; Giáo dục chính trị; Hành chính học; Hệ thống nông nghiệp; Hệ thống thông tin quản lý; Kế hoạch kinh

TT	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp
		tế; Kế toán; Kế toán - Kiểm toán; Khoa học quản lý; Kinh doanh thương mại; Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Kinh tế học; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Kinh tế số; Kinh tế xây dựng; Lịch sử kinh tế; Luật kinh tế; Phát triển bền vững; Phát triển nông thôn; Quan hệ quốc tế; Quản lý công; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý kinh tế; Quản trị các tổ chức tài chính; Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Tài chính - Ngân hàng; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế.
5	**Chủ nghĩa xã hội khoa học** Ngành đúng: Chủ nghĩa xã hội khoa học	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Chính trị học; Triết học; Công tác xã hội; Dân tộc học; Giáo dục chính trị; Hồ Chí Minh học; Khảo cổ học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử thế giới; Lịch sử Việt Nam; Phát triển con người; Quan hệ quốc tế; Quản lý văn hóa; Quản lý xã hội; Quyền con người; Tôn giáo học; Xã hội học.
6	**Tâm lý học** Ngành đúng: Tâm lý học	Công tác xã hội; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Nhân học; Sư phạm mẫu giáo; Sư phạm Tâm lý - Giáo dục; Tâm lý học giáo dục; Tâm lý học lâm sàng; Xã hội học; Y tế công cộng.
7	**Lý luận và Lịch sử giáo dục** Ngành đúng: Giáo dục học; Lý luận và Lịch sử giáo dục	Công nghệ giáo dục; Công tác xã hội; Công tác xã hội trường học; Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục quốc tế và so sánh; Giáo dục Y học; Lý luận và phương pháp dạy học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn; Quản lý giáo dục; Tâm lý học (Tâm lý học giáo dục, Tâm lý học trường học, Tâm lý học quản lý…); Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy.
8	**Quản lý giáo dục** Ngành đúng: Quản lý giáo dục	Các ngành sư phạm; Giáo dục học; Lý luận và Lịch sử giáo dục; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục quốc tế và so sánh; Giáo dục và phát triển cộng đồng; Chính sách công; Chính sách khoa học công nghệ; Chính trị học; Công nghệ thông tin; Công nghệ (Công nghệ môi trường, sinh học, thực phẩm, vật liệu...); Điều khiển học kinh tế; Đo lường và đánh giá trong

TT	Ngành đào tạo	Ngành phù hợp
		giáo dục; Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học môi trường; Khoa học quản lý; Lý luận và lịch sử giáo dục; Lý luận và phương pháp dạy học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn; Quản lý công; Quản lý du lịch; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý kinh tế; Quản lý nhân lực; Quản lý văn hóa; Quản trị công nghệ và phát triển doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Tâm lý học (Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học quản lý, …); Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy; Thông tin học.
9	**Hồ Chí Minh học**	Chính trị học; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Dân tộc học; Đông Nam Á học; Giáo dục chính trị; Hành chính công; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử phong trào cộng sản công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử Việt Nam; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Triết học, Giáo dục chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử); Quan hệ quốc tế; Quản lý công; Quản lý nhà nước; Quyền con người; Việt Nam học.

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI
MỘT SỐ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ DÙNG CHO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ, TIẾN SĨ Ở HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

I. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Ghi chú: Không chấp nhận Chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition được cấp sau ngày 10/9/2022 (ngày Thông tư 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài có hiệu lực).

II. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH APTIS ESOL INTERNATIONAL CERTIFICATE TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Aptis ESOL
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

III. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH PEARSON ENGLISH INTERNATIONAL CERTIFICATE TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		PEIC
Sơ cấp	Bậc 1	Level A1
	Bậc 2	Level 1
Trung cấp	Bậc 3	Level 2
	Bậc 4	Level 3
Cao cấp	Bậc 5	Level 4
	Bậc 6	Level 5

IV. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH PEARSON TEST OF ENGLISH ACADEMIC TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		PTE Academic
Sơ cấp	Bậc 1	10 - 29
	Bậc 2	30- 42
Trung cấp	Bậc 3	43 - 58
	Bậc 4	59 - 75
Cao cấp	Bậc 5	76- 84
	Bậc 6	85- 90

V. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH OXFORD TEST OFENGLISH TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

KNLNNVN	Khung thang điểm OTE	Khung thang điểm OTE Advanced
Bậc 1	21-50	
Bậc 2	51-80	
Bậc 3	81-110	
Bậc 4	111-140	111-140
Bậc 5		141-170

VI. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại npgữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương TP.Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh
29	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
30	Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh
31	Trường Đại học Lạc Hồng
32	Trường Đại học Phenikaa
33	Trường Đại học Duy Tân
34	Trường Đại học Đồng Tháp
35	Trường Đại học Kinh tế Tài chính – Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Phụ lục III

ĐỀ CƯƠNG ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH

1. Cấu trúc của đề cương đề tài nghiên cứu

a) Trang bìa, trang phụ bìa; lời cam đoan; mục lục; danh mục các chữ viết tắt; danh mục các bảng, sơ đồ, biểu đồ; danh mục các đồ thị, hình vẽ;

b) Mở đầu:

- Các ngành: Tâm lý học, Lý luận và Lịch sử giáo dục, Quản lý giáo dục: 1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu; 2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu; 3. Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu; 4. Giả thuyết khoa học; 5. Cơ sở lý luận, chính trị, pháp lý và thực tiễn; 6. Phương pháp nghiên cứu; 7. Những đóng góp mới của đề tài nghiên cứu; 8. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của đề tài nghiên cứu; 9. Kết cấu của đề tài nghiên cứu;

- Các ngành còn lại: 1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu; 2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu; 3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu; 4. Cơ sở lý luận, chính trị, pháp lý và thực tiễn; 5. Phương pháp nghiên cứu; 6. Những đóng góp mới của đề tài nghiên cứu; 7. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của đề tài nghiên cứu; 8. Kết cấu của đề tài nghiên cứu

c) Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài nghiên cứu. Thí sinh tổng quan các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài nghiên cứu theo thứ tự thời gian từ xa đến gần; các công trình nghiên cứu ở nước ngoài trước, các công trình nghiên cứu ở trong nước sau theo lôgíc kết cấu của đề tài nghiên cứu hoặc nhóm công trình. Rút ra những giá trị của các công trình khoa học đã tổng quan đối với đề tài nghiên cứu và những vấn đề đề tài nghiên cứu tập trung nghiên cứu;

d) Chương 2, 3, 4… (nội dung, kết quả nghiên cứu) có thể chia làm nhiều chương khác nhau tùy theo đề tài và từng ngành). Chương 2, trình bày những vấn đề lý luận của đề tài nghiên cứu (trừ các đề tài nghiên cứu cơ bản) bắt buộc phải trích dẫn tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phân tích, luận giải các vấn đề lý luận (trừ nghiên cứu sinh là người nước ngoài);

e) Kết luận và kiến nghị: Trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nội dung và chủ thể không đề cập trong đề tài nghiên cứu (nếu có);

f) Danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài nghiên cứu (công trình khoa học công bố trong thời gian 36 tháng);

g) Danh mục tài liệu tham khảo;

h) Phụ lục (nếu có).

2. Quy cách trình bày đề cương đề tài nghiên cứu

a) Đề cương đề tài nghiên cứu phải được đánh số trang, đánh số bảng, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị, hình vẽ.

b) Nội dung đề cương đề tài nghiên cứu sử dụng font chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode/Times New Roman, cỡ chữ 14; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc giãn khoảng cách giữa các chữ; giãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3,0cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2,0cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu phải

là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này. Đề cương đề tài nghiên cứu được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297mm); dung lượng không quá 60 trang (không tính phần mở đầu và danh mục tài liệu tham khảo).

c) Các mục chính của đề cương đề tài nghiên cứu được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số, chỉ số chương, tiết, mục (Ví dụ 2.1.2.1: chỉ chương 2, tiết 1, tiểu tiết 2, mục 1);

d) Bảng, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị, hình vẽ: Việc đánh số phải gắn với số chương (Ví dụ hình 2.3 có nghĩa là hình thứ 3 trong chương 2); đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ "Nguồn: Bộ Công Thương - 2024". Nguồn được trích dẫn phải liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo. Tên của bảng biểu ghi phía trên bảng; tên của hình vẽ ghi phía dưới hình;

e) Chữ viết tắt: Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ thông dụng được sử dụng nhiều lần trong đề tài nghiên cứu, không lạm dụng việc viết tắt trong đề tài nghiên cứu, không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đề tài nghiên cứu. Nếu đề tài nghiên cứu có nhiều cụm từ viết tắt thì phải có danh mục các cụm từ viết tắt xếp theo thứ tự ABC ở phía đầu đề tài nghiên cứu; chỉ được phép viết tắt các cụm từ có từ ba đến bảy từ; không được viết tắt tên chương, tiết, tiểu tiết, mục, từ đầu đoạn văn trong đề tài nghiên cứu; mỗi đề tài nghiên cứu không viết tắt quá 10 cụm từ.

f) Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn: Các ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục tài liệu tham khảo của đề tài nghiên cứu. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả; không trích dẫn những kiến thức phổ biến;

Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo của đề tài nghiên cứu;

Khi trích dẫn một đoạn từ 04 dòng đánh máy trở xuống thì sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dài hơn 04 dòng phải tách thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, lùi cả đoạn trích 02cm so với lề trái; mở đầu và kết thúc đoạn trích dẫn không phải sử dụng dấu ngoặc kép;

g) Cách xếp danh mục tài liệu tham khảo. Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang (Ví dụ [1, tr.23]). Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu đó được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần (ví dụ [5], [7], [12]);

h) Phụ lục của đề cương đề tài nghiên cứu: Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung của đề tài nghiên cứu như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh… Nếu đề tài nghiên cứu sử dụng phiếu điều tra, khảo sát thì bản câu hỏi của phiếu phải được đưa vào phần phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi;

Phụ lục của đề tài nghiên cứu không được dày hơn phần chính của đề tài nghiên cứu;

i) Mục lục của đề cương đề tài nghiên cứu có thể trình bày trong 01 hoặc 02 trang giấy. Các nội dung đóng quyển đề cương đề tài nghiên cứu được sắp xếp thứ tự theo mục lục.

II. MẪU ĐỀ CƯƠNG ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Trang bìa

BỘ QUỐC PHÒNG *cỡ chữ 13 nhạt*
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ *cỡ chữ 14 đậm*

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH
(cỡ chữ 14)

TÊN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
(font .VnHelvetInsH, cỡ 16-18)

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH :……..

(cỡ chữ 14)

Hà Nội – 2026

2. Trang phụ bìa

BỘ QUỐC PHÒNG *cỡ chữ 13 nhạt*
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ *cỡ chữ 14 đậm*

HỌ VÀ TÊN THÍ SINH
(cỡ chữ 14 đậm)

TÊN ĐỀ C□ƠNG ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

(font .VnHelvetInsH, cỡ 16-18 đậm)

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH :……..
(cỡ chữ 14 đậm)

NGƯỜI DỰ KIẾN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
1. Học hàm, học vị, họ và tên, vai trò hướng dẫn
2. Học hàm, học vị, họ và tên, vai trò hướng dẫn
(cỡ chữ 14 đậm)

3. Trang mục lục

MỤC LỤC

Trang

TRANG PHỤ BÌA
LỜI CAM ĐOAN
MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT
MỞ ĐẦU
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN
1.1.
1.2.
Chương 2: LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
2.1.
2.2.
2.3.
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2019 - 2025
3.1.
3.2.
3.3.
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2045
4.1.
4.2.
KẾT LUẬN
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC (nếu có)

(Chữ in hoa cỡ 13, chữ in thường cỡ 14)

4. Hướng dẫn xếp tài liệu tham khảo

a) Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Đức, Nga, Trung, Nhật). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

b) Tên tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả luận văn, luận án theo thông lệ của từng nước

- Tác giả là người nước ngoài: xếp theo thứ tự ABC theo họ: V.I.Lênin, xếp vào vần L, ...
- Tác giả là người Việt Nam: xếp theo thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ; nếu tài liệu của nhiều tác giả thì lấy tên tác giả đầu tiên;
- Tài liệu không có tên tác giả cá nhân, mà là tập thể (hoặc cơ quan) ban hành văn bản hay ấn phẩm, thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan: Bộ Quốc phòng xếp vào vần B, Tổng cục Chính trị xếp vào vần T, ...
- Tài liệu không ghi rõ nguồn gốc tác giả, lấy chữ cái đầu tiên của tên tài liệu để xếp vần ABC.

c) Tài liệu tham khảo là sách, luận án, báo cáo phải ghi đầy các thông tin sau:

- Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành;
- (Năm công bố), (đặt sau tên tác giả, trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn; nếu có chủ biên thì viết Chủ biên đặt trước năm và ngăn cách bằng dấu phảy);
- Tên sách, luận án hoặc báo cáo, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản);
- Nơi xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nơi xuất bản);

Ví dụ:

Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên, 2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

d) Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách ghi đầy đủ các thông tin sau:

** Đối với bài tạp chí*

- Tên tác giả;
- (Năm công bố), (đặt sau tên tác giả, trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- "Tên bài báo", (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Số phát hành trong năm xuất bản: số 98;

Trường hợp có thêm số phát hành phụ chú (ghi theo thứ tự cá biệt của nhà xuất bản) thì đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn: số 98(1).

- Số trang bài báo trong tạp chí (đặt sau số phát hành): số 98(1), tr.10 - 12. (dấu chấm sau số trang).

Ví dụ:

1. Hoàng Hữu Bình (2004), "Một số vấn đề đặt ra trong phát triển vùng dân tộc và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về công tác dân tộc", *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr.53 - 60.

2. Hoàng Hữu Chung (2008), "Một số vấn đề đặt ra trong phát triển vùng dân tộc và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về công tác dân tộc", *Tạp chí Triết học*, số 103(5), tr.53 - 60.

** Đối với tạp chí điện tử (không xuất bản tạp chí in)*

Trình bày tác giả, năm công bố, tên bài viết, tên tạp chí như tạp chí in kèm ngày đăng bài (không đưa đường dẫn trang web).

Ví dụ:

Nguyễn Duy Bắc (2020), "Về một số nội dung, phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch", *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 25/6/2020.

** Đối với tác phẩm kinh điển (C.Mác và Ph.Ăngghen, Lênin toàn tập, Hồ Chí Minh toàn tập, Văn kiện Đảng...)*

- Tên tác giả;
- (Năm công bố), (đặt sau tên tác giả, trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- "Tên bài viết", (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tên sách (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tập ..., (không viết hoa, dấu dấu phẩy cuối tên);
- Nhà xuất bản, (dấu dấu phẩy cuối tên);
- Năm xuất bản, (dấu dấu phẩy cuối tên);
- Số trang bài viết trong cuốn sách viết tắt chữ tr. (có dấu chấm), giữa hai số trang có dấu gạch nối, dấu chấm kết thúc: tr.10 - 18.

Ví dụ:

Hồ Chí Minh (1930), "Chánh cương vắn tắt của Đảng", *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.10 - 18.

** Đối với sách tham khảo, kỷ yếu hội thảo*

- Tên tác giả;
- (Năm công bố hoặc xuất bản), (đặt sau tên tác giả, trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn);
- "Tên bài viết", (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tên sách (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên);
- Tập ..., (không viết hoa, dấu dấu phẩy cuối tên) (nếu có);
- Nhà xuất bản, (dấu dấu phẩy cuối tên);
- Số trang bài viết trong cuốn sách viết tắt chữ tr. (có dấu chấm), giữa hai số trang có dấu gạch nối, dấu chấm kết thúc: tr.10 - 18.

Ví dụ:

Hoàng Hữu Bình (2004), "Một số vấn đề đặt ra trong phát triển vùng dân tộc và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về công tác dân tộc", *Kỷ yếu hội thảo Chính sách đối với các dân tộc thiểu số thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,* tập 2, tr.53 - 60.

Lưu ý: Nếu tài liệu dài hơn một dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1cm.

5. Mẫu Danh mục tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Ph. Ăngghen (1878), "Chống Đuy Rinh", *C.Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.30-450.

2. Nguyễn Duy Bắc (2020), "Về một số nội dung, phương thức, hình thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch", *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, ngày 25/6/2020.

3. Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên, 2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

4. Hoàng Hữu Bình (2004), "Một số vấn đề đặt ra trong phát triển vùng dân tộc và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về công tác dân tộc", *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr.53 - 60.

5. Hoàng Hữu Bình (2004), "Một số vấn đề đặt ra trong phát triển vùng dân tộc và yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về công tác dân tộc", *Kỷ yếu hội thảo: Chính sách đối với các dân tộc thiểu số thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,* tập 2, tr.53 - 60.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), "Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình đại hội XIII của Đảng", *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.13-56.

7. V.I.Lênin (1913), "Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc", *V.I.Lênin toàn tập*, tập 24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.254-285.

8. C.Mác và Ph.Ăngghen (1848), "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập,* tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.254-285.

9. Hồ Chí Minh (1930), "Chánh cương vắn tắt của Đảng", *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.1-2 .

.....

Tiếng Anh

28. Anderson J. E. (1985), "The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case", *American Economic Review,* 75(1), pp.78-90.

29. Borkakati R. P., Virmani S. S. (1997), "Genetics of thermosensitive genic male sterility in rice", *Euphytica,* 88*,* pp.1-7.

30. Boulding K. E. (1955), *Economic Analysis,* Hamish Hamilton, London.

31. Burton G. W. (1988), "Cytoplasmic male-sterility in pearl millet (penni-setum glaucum L.)", *Agronomic Journal* 50, pp. 230-231.

32. Central Statistical Oraganisation (1995), *Statistical Year Book,* Beijing.

33. FAO (1971), *Agricultural Commodity Projections (1970-1980),* Vol.II. Rome.

34. Institute of Economics (1988), *Analysis of Expenditure Pattern of Urban Household in Vietnam,* Departement of Economics, Economic Research Report, Hanoi.

Phụ lục IV

ĐỀ CƯƠNG BÀI LUẬN DỰ XÉT TUYỂN NCS

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2026

BÀI LUẬN DỰ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM….

Họ và tên thí sinh: ……..….. Cấp bậc: …….....

Chức vụ: ……..…… Đơn vị: .....…….....

Tên đề tài dự định nghiên cứu:

……

…….....……..

1. Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo

…….....…….....……..……

…….……

2. Lý do lựa chọn đề tài luận án

…….…….....

…….....

3. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh:

……....…….……

…….....……

4. Kinh nghiệm (nghiên cứu, thực tế hoạt động xã hội và ngoại khóa khác liên quan đến đề tài dự định nghiên cứu):

……..…….……

…….....……

5. Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa

…….....

.....……

……..……..…….....

6. Dự kiến các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp:

……

…….....……

7. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có):

(Từ 3-4 trang khổ A4)

NGƯỜI LÀM BÀI LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục V

ĐỀ CƯƠNG THƯ GIỚI THIỆU

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2026.

THƯ GIỚI THIỆU
NGƯỜI DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

Họ và tên người dự tuyển:…….....…….....…….....

Họ và tên người giới thiệu: …….....…… Cấp bậc: …….....

Chức vụ: ……..…… Đơn vị: ….....…….....

Học hàm, học vị: …….....…….....…….....

Thời gian công tác cùng nghiên cứu sinh: ….....…….....…….....

Nội dung nhận xét về người dự tuyển nghiên cứu sinh

1. Phẩm chất đạo đức: …….....….....…….....

…….....…….....

2. Năng lực hoạt động chuyên môn: …….....…….....…….....

…….....…….....

3. Phương pháp làm việc: …….....…….....…….....

…….....…….....

4. Khả năng nghiên cứu: …….....…….....…….....

…….....…….....

5. Khả năng làm việc theo nhóm: …….....…….....

…….....…….....

6. Triển vọng phát triển về chuyên môn …….....…….....

…….....…….....

7. Hạn chế của nghiên cứu sinh: …….....…….....…….....

…….....…….....

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh:

…….....……

XÁC NHẬN CHỮ KÝ **NGƯỜI GIỚI THIỆU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

I. ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH: TLH, QLGD, LL&LSGD

1. Đánh giá năng lực (Thông qua trình bày bài luận và trả lời câu hỏi): Tối đa 20 điểm

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Lý do lựa cơ sở đào tạo; lý do chọn đề tài	6
2	Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký xét tuyển NCS	3
3	Kinh nghiệm (*về nghiên cứu, về thực tế hoạt động xã hội và ngoại khóa khác liên quan đến đề tài dự định nghiên cứu*)	6
4	Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa	2
5	Dự kiến các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp	3
	Cộng	**20**

2. Đề cương luận án: Tối đa 50 điểm

TT	Nội dung	Điểm tối đa
1	**Tên đề tài**	**3**
2	**Mở đầu**	**15**
2.1	Lý do lựa chọn đề tài dự định nghiên cứu	3
2.2	Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	2
2.3	Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
2.4	Giả thuyết khoa học	2
2.5	Cơ sở lý luận, chính trị, pháp lý và thực tiễn	2
2.6	Phương pháp nghiên cứu	2
2.7	Những đóng góp mới của đề tài luận án	1
2.8	Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án	1
3	**Nội dung đề cương luận án**	**30**
3.1	Tổng quan tình hình nghiên cứu (chương 1)	10
3.2	Nội dung các chương 2, 3, 4…	20
4	**Danh mục tài liệu tham khảo**	**2**
Cộng		**50**

3. Bài báo khoa học: **Tối đa 30 điểm**

TT	Nội dung	Điểm tối đa
1	Số lượng bài báo **vượt** so với quy định, trong danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm. Nội dung chất lượng tốt, đúng với hướng nghiên cứu của đề tài.	30
2	Số lượng bài báo **đủ** theo quy định, trong danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm. Nội dung chất lượng tốt, đúng với hướng nghiên cứu của đề tài.	20
Cộng		**30**
Cộng điểm mục 1, 2, 3		**100**

II. CÁC NGÀNH CÒN LẠI

1. 1. Đánh giá năng lực (Thông qua trình bày bài luận và trả lời câu hỏi): Tối đa 20 điểm

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Lý do lựa cơ sở đào tạo; lý do chọn đề tài	6
2	Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký xét tuyển NCS	3
3	Kinh nghiệm (*về nghiên cứu, về thực tế hoạt động xã hội và ngoại khóa khác liên quan đến đề tài dự định nghiên cứu*)	6
4	Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa	2
5	Dự kiến các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp	3
	Cộng	**20**

2. Đề cương luận án: Tối đa 50 điểm

TT	Nội dung	Điểm tối đa
1	**Tên đề tài**	**3**
2	**Mở đầu**	**15**
2.1	Lý do lựa chọn đề tài dự định nghiên cứu	4
2.2	Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu	2
2.3	Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
2.4	Cơ sở lý luận, chính trị, pháp lý và thực tiễn	2
2.5	Phương pháp nghiên cứu	2
2.6	Những đóng góp mới của đề tài luận án	2
2.7	Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án	1
3	**Nội dung đề cương luận án**	**30**
3.1	Tổng quan tình hình nghiên cứu (chương 1)	10
3.2	Nội dung các chương 2, 3, 4…	20
4	**Danh mục tài liệu tham khảo**	**2**
	Cộng	**50**

3. Bài báo khoa học: **Tối đa 30 điểm**

TT	Nội dung	Điểm tối đa
1	Số lượng bài báo **vượt** so với quy định, trong danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm. Nội dung chất lượng tốt, đúng với hướng nghiên cứu của đề tài.	30
2	Số lượng bài báo **đủ** theo quy định, trong danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm. Nội dung chất lượng tốt, đúng với hướng nghiên cứu của đề tài.	20
	Cộng	**30**
	Cộng điểm mục 1, 2, 3	**100**

Lưu ý:

- Thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển: Tổng điểm Mục I, II, III đạt 50 điểm trở lên, trong đó điểm của từng mục phải đạt từ 50% thang điểm tối đa.

- Đối với thư giới thiệu về nghiên cứu sinh: Không chấm điểm, chỉ kết luận đủ điều kiện hay không đủ điều kiện của người giới thiệu theo quy định; kết luận của người giới thiệu về thí sinh có đủ điều kiện làm nghiên cứu sinh hay không.

Phụ lục VII
MẪU LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho thí sinh xét tuyển nghiên cứu sinh ở Học viện Chính trị)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: …… Giới tính: ……..... ……..

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……..... Nơi sinh: .....

Quê quán: …… Dân tộc: …….....

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu: …….....

Địa chỉ nhà riêng: .....

Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đào tạo đại học

- Hình thức đào tạo: …… Thời gian đào tạo: Từ …/…/… đến …/…/…
- Nơi đào tạo……
- Ngành: ……..
- Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp……

2. Đào tạo thạc sĩ

- Hình thức đào tạo: …… Thời gian đào tạo: Từ …/…/… đến …/…/…
- Nơi đào tạo……
- Ngành: ……..
- Tên luận văn: .....
- Ngày và nơi bảo vệ luận văn: .....
- Người hướng dẫn: ……

3. Ngoại ngữ

- Ngôn ngữ: ..... Trình độ: .....
- Văn bằng, chứng chỉ: ..... Ngày cấp:.....
- Nơi cấp: ..... …

4. Văn bằng

4.1. Bằng đại học

- Trường: ……...

- Ngành: ……

- Số hiệu: ……...

- Ngày cấp: …….. Nơi cấp: ……...

4.2. Bằng thạc sĩ

- Trường: ……...

- Ngành: ……

- Số hiệu: ……...

- Ngày cấp: …….. Nơi cấp: ……...

4.3. Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ

- Trường: ……...

- Ngành: ……

- Số hiệu: ……...

- Ngày cấp: …….. Nơi cấp: ……...

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian		Chức vụ đảm nhiệm	Cơ quan, đơn vị công tác
Từ	Đến		

IV. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài khoa học, sáng kiến đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, cơ sở)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài	Kết quả nghiệm thu
1					
2					

2. Sách, giáo trình, tài liệu đã xuất bản

TT	Tên sách	Nhà xuất bản Năm xuất bản	Chủ biên (Đồng chủ biên)	Số tác giả
1				
2				

2. Các bài báo khoa học đã công bố

(Kê những bài báo, báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, là tác giả, tác giả đứng đầu hoặc tác giả liên hệ duy nhất đăng trên các tạp chí khoa học, đăng toàn văn trong kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế, được Hội đồng Giáo sư nhà nước tính điểm, công bố từ tháng 8/2023 đến nay).

TT	Tên bài báo khoa học	Tác giả; đồng tác giả	Tên tạp chí, số…, trang…	Tháng, năm công bố
1				
2				

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

…….

NGƯỜI KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

……

Phụ lục VIII

LỆ PHÍ TUYỂN SINH, HỌC PHÍ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HV ngày /7/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

1. Lệ phí hồ sơ

Phát hành hồ sơ tại Học viện: 200.000 đồng/hồ sơ.

2. Lệ phí thẩm định hồ sơ

Thẩm định hồ sơ tại Học viện: 300.000 đồng/hồ sơ.

Thí sinh nộp lệ phí thẩm định hồ sơ về Ban Sơ tuyển Sau đại học, Học viện Chính trị ngay sau khi nộp hồ sơ xét tuyển nghiên cứu sinh tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

3. Lệ phí học bổ sung kiến thức ngành (nếu có)

- Bổ sung kiến thức ngành phù hợp: 5.000.000đ/1 thí sinh

- Bổ sung kiến thức ngành lạc hậu: 5.000.000đ/1 thí sinh

4. Lệ phí thi, xét tuyển nghiên cứu sinh: 1.800.000 đồng/thí sinh

5. Học phí đào tạo sau đại học: Mức thu theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.